

(Mẫu số 02/QĐ-CKNS ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC  
ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính)

SỞ GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG THPT VÕ THỊ SÁU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /QĐ-VTS

Tp..HCM, ngày 22 tháng 10 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách - Năm 2024 (Điều chỉnh lần 4)  
của Trường THPT Võ Thị Sáu

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ nhiệm vụ tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;  
Xét đề nghị của Phòng kế toán Trường THPT Võ Thị Sáu.

### QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 (điều chỉnh lần 4) của Trường THPT Võ Thị Sáu (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Cán bộ quản lý, bộ phận kế toán và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, KT, CBQL.



HIỆU TRƯỞNG

Trịnh Hoàng Quân

Đơn vị: TRƯỜNG THPT VÕ THỊ SÁU

Chương: 494

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-VTS ngày 22/10/2024 của Trường THPT Võ Thị Sáu)

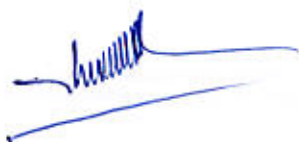
Đvt: đồng

| Số TT | Nội dung                                          | Dự toán được giao |
|-------|---------------------------------------------------|-------------------|
| 1     | 2                                                 | 3                 |
| A     | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí       |                   |
| I     | Số thu phí, lệ phí                                |                   |
| II    | Chi từ nguồn thu phí được để lại                  |                   |
| 1     | Chi sự nghiệp.....                                |                   |
| a     | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                    |                   |
| b     | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên              |                   |
| 2     | Chi quản lý hành chính                            |                   |
| a     | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                  |                   |
| b     | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ            |                   |
| III   | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước             |                   |
| 1     | Lệ phí                                            |                   |
| 2     | Phí                                               |                   |
| B     | Dự toán chi ngân sách nhà nước                    |                   |
| I     | Nguồn ngân sách trong nước                        | (1.600.000.000)   |
| 1     | Chi quản lý hành chính                            | (1.600.000.000)   |
| 1.1   | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                  |                   |
| 1.2   | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ            |                   |
| 2     | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ               |                   |
| 3     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề       |                   |
| 3.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                    | (1.600.000.000)   |
| 3.2   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (Nguồn CCTL)       |                   |
| 3.3   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên              |                   |
| 3.4   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Nguồn CCTL) | (1.600.000.000)   |
| 4     | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình            |                   |
| 5     | Chi bảo đảm xã hội                                |                   |
| 6     | Chi hoạt động kinh tế                             |                   |
| 7     | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                   |                   |
| 8     | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                   |                   |
| 9     | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn  |                   |
| 10    | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                    |                   |
| II    | Nguồn vốn viện trợ                                |                   |
| III   | Nguồn vay nợ nước ngoài                           |                   |

Người lập biểu

Tp.HCM, ngày 22 tháng 10 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Trúc Hương



Trịnh Hoàng Quân

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Mẫu biểu số 48

Chương 422 - Loại 070 - Khoản 074



**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024  
(ĐIỀU CHỈNH LẦN 4)**

Đơn vị: **TRƯỜNG THPT VÕ THỊ SÁU (MS : 1073003)**

Mã KBNN nơi giao dịch: **KHO BẠC QUẬN BÌNH THẠNH (MS : 0120)**

(Kèm theo Quyết định số 3610/QĐ-SGDDĐT ngày 15 tháng 10 năm 2024  
của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

| STT | NỘI DUNG                                    | DỰ TOÁN ĐÃ<br>PHÂN BỐ | DỰ TOÁN<br>ĐIỀU CHỈNH,<br>BỔ SUNG<br>LẦN NÀY | TỔNG SỐ    |
|-----|---------------------------------------------|-----------------------|----------------------------------------------|------------|
| I   | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí | 0                     |                                              | 0          |
| II  | Dự toán chi ngân sách nhà nước              | 38.488.162            | -1.600.000                                   | 36.888.162 |
|     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề   | 38.488.162            | -1.600.000                                   | 36.888.162 |
| 1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên              | 20.059.100            | 0                                            | 20.059.100 |
| 1.1 | Chi từ ngân sách thành phố                  | 17.112.100            | 0                                            | 17.112.100 |
|     | Trong đó: 10% tiết kiệm thực hiện CCTL      | 0                     |                                              | 0          |
| 1.2 | Chi từ nguồn cải cách tiền lương            | 2.947.000             | 0                                            | 2.947.000  |
|     | Nguồn CCTL ngân sách thành phố              | 2.947.000             | 0                                            | 2.947.000  |
|     | Nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang | 0                     |                                              | 0          |
| 2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên        | 18.429.062            | -1.600.000                                   | 16.829.062 |
| 2.1 | Chi từ ngân sách thành phố                  | 6.214.239             | 0                                            | 6.214.239  |
|     | Trong đó: 10% tiết kiệm thực hiện CCTL      | 0                     |                                              | 0          |
| 2.2 | Chi từ nguồn cải cách tiền lương            | 12.214.823            | -1.600.000                                   | 10.614.823 |
|     | Nguồn CCTL ngân sách thành phố              | 12.214.823            | -1.600.000                                   | 10.614.823 |
|     | Nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang | 0                     | 0                                            | 0          |

**Ghi chú:**

1. Đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện trích lập tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2024 sau khi trừ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí (bao gồm cả thu học phí) để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định (theo Công văn số 7012/STC-NS ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Sở Tài chính).
2. Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 không bao gồm khoản tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) và được giữ lại ở ngân sách thành phố để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.
3. Nguồn cải cách tiền lương dùng để thực hiện chi chính sách tăng lương cơ sở theo lộ trình của Chính phủ, chi tinh giản biên chế, chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế đặc thù của Thành phố và các văn bản quy định hiện hành.
4. Nội dung dự toán kinh phí điều chỉnh lần này là số liệu giảm trừ nguồn cải cách tiền lương theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2023 (niên độ ngân sách năm 2022), thực hiện theo Quyết định số 3641/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về điều chỉnh dự toán chi thường xuyên năm 2024.
5. Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định nội dung dự toán theo nhu cầu của đơn vị, giá trị dự toán chỉ dùng làm cơ sở bố trí nguồn kinh phí thực hiện, đơn vị chịu trách nhiệm về số liệu quyết toán thực tế theo đúng quy định.

Chi tiết kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên của đơn vị như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

| STT | NỘI DUNG                                                                                     | DỰ TOÁN ĐÃ PHÂN BỐ | DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG LẦN NÀY | TỔNG SỐ    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------------------|------------|
| 1   | Phụ cấp thâm niên nhà giáo                                                                   | 1.725.055          | 0                                   | 1.725.055  |
| 2   | Kinh phí vùng sâu                                                                            | 0                  | 0                                   | 0          |
| 3   | Hỗ trợ cán bộ, viên chức y tế                                                                | 0                  | 0                                   | 0          |
| 4   | Phụ cấp ưu đãi cho giáo viên dạy người khuyết tật                                            | 276.064            | 0                                   | 276.064    |
| 5   | Kinh phí hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 36/2023/NQ-HĐND                                   | 4.069.440          | 0                                   | 4.069.440  |
| 6   | Hỗ trợ chi phí học tập                                                                       | 43.200             | 0                                   | 43.200     |
| 7   | Tiền công dạy đội tuyển dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia theo Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND | 0                  | 0                                   | 0          |
| 8   | Kinh phí mua sắm                                                                             | 0                  | 0                                   | 0          |
| 9   | Kinh phí sửa chữa                                                                            | 0                  | 0                                   | 0          |
| 10  | Kinh phí sinh hoạt hè                                                                        | 100.480            | 0                                   | 100.480    |
| 11  | Chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND và chi tinh giản biên chế          | 12.214.823         | -1.600.000                          | 10.614.823 |

Số: 3610/QĐ-SGDĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2024  
(điều chỉnh lần 4)

**GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 5758/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 3641/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh dự toán chi thường xuyên năm 2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 (điều chỉnh lần 4) cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo theo phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2024 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

**Điều 3.** Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính và Trưởng phòng liên quan thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính (để phối hợp);
- KBNN TP.HCM (để phối hợp);
- KBNN nơi DV giao dịch (để phối hợp);
- Lưu: VT, KHTC (Tr).



Nguyễn Văn Hiếu

